TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 07 - 2026
V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 161/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn L (nay là thôn N), xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Căn cước công dân số: 034198001395.

- Bị đơn: Anh **Đàm Văn L**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn L (nay là thôn N), xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Đội x, phân trại số y, Trại giam C; địa chỉ: xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cước công dân số: 034093020015.

(*Chị H và anh L vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn, anh L không tu chí làm ăn thích đua đòi, chơi bời. Chị cùng gia đình đã khuyên răn và ngăn chặn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng liên tục xúc phạm, đánh cãi chửi nhau. Cuối năm 2021, anh L bị bắt về tội

“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Vì vẫn là vợ chồng nên chị có đi thăm anh nhưng thiện chí của chị không được đáp lại. Khi tiếp xúc với anh L, anh L lạnh nhạt và bất cần nên chị chán nản, từ đó chị không thăm anh L nữa. Bản thân anh L cũng không liên hệ, nhắn nhủ gì chị. Vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai từ cuối năm 2022 đến nay. Hiện nay anh L vẫn đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đàm Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị. Chị nhận trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung đều không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

* Tại bản tự khai, anh Đàm Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Trước khi đi chấp hành án phạt tù thì vợ chồng anh sống cùng bố mẹ anh. Sau khi anh đi chấp hành án phạt tù thì vợ anh cùng các con về bên ngoại ở. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018. Hiện nay các con đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng giao 02 con cho bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2026, UBND xã Đ cung cấp: Chị Trần Thị H có số căn cước công dân 034198001395 và anh Đàm Văn L có số căn cước công dân 034093020015 đều là công dân của xã Đ, đăng ký thường trú tại thôn Tân Lập, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị H và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) ngày 04/4/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà anh L ở thôn Tân Lập, xã Đ. Quá trình chung sống, anh chị có phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Cuối năm 2021, anh L bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên) xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa còn chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H xin ly hôn anh L vì xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh L có 02 con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018. Hiện hai cháu đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đang đi học tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Lộc thuộc xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Cả hai cháu đều phát triển khỏe mạnh như các

bạn cùng trang lứa. Hiện chị H đang làm lao động tự do, có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh L địa phương không nắm được. Tại địa phương, không có cơ quan tổ chức hay cá nhân nào có ý kiến về nợ liên quan đến vợ chồng chị H và anh L.

* Các cháu Đàm Ngọc A và Đàm Anh Đ đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Đàm Văn L; Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H và anh L đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đ, tỉnh Hưng Yên) ngày 04/4/2016. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cho thấy do anh L vi phạm pháp luật và phải chấp hành án phạt tù từ năm 2021 đến nay nên đời sống chung vợ chồng thực tế đã chấm dứt trong thời gian dài, các bên không còn điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với

nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh L, mặc dù anh L không đồng ý ly hôn nhưng không có căn cứ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng có thể được khắc phục. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018, hiện cả hai con chung đều đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và các con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng chị H. Anh L đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con. Việc anh L đề nghị giao con cho bố mẹ anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh chị không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các con và duy trì sự ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục, Hội đồng xét xử giao cả hai con chung là Đàm Ngọc A và Đàm Anh Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Đàm Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Đàm Ngọc A, sinh ngày 23/6/2016 và Đàm Anh Đ, sinh ngày 28/6/2018, chị Trần Thị H không yêu cầu anh Đàm Văn L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng chị Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002250 ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh

Hưng Yên sang thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND khu vực 7 - Hưng Yên;*
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *THA dân sự tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**